

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN HAMICO

Khu phố 11, Phường Bình Tân, Thị xã Lagi

Tỉnh Bình Thuận, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 17

20
ÔN
H NH
TOÁN
TÀI
XU

Số. 04.1/BCKT 2011/ACA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010
của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Thuận Hamico

Kính gửi:

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Thuận Hamico

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với các Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Thuận Hamico (gọi tắt là "Công ty") cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Các Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình Lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính từ trang 3 đến trang 17. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Thuận Hamico tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.



Trần Văn Thúc
Tổng Giám đốc

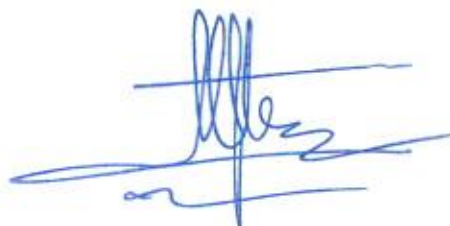
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0554/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Kreston International

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2011



Nguyễn Hồng Hiền
Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1117/KTV



Thành viên
Kiểm toán
Quốc tế
Kreston
International
www.kreston.com

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		59.123.837.998	17.412.864.691
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	9.722.809.611	5.560.071.441
1. Tiền	111		9.722.809.611	5.560.071.441
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		11.850.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	11.850.000.000	-
III. Phải thu ngắn hạn	130		34.633.511.327	8.508.382.587
1. Phải thu khách hàng	131		29.290.431.584	7.415.685.516
2. Trả trước cho người bán	132		4.439.705.149	1.060.812.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		903.374.594	-
5. Các khoản phải thu khác	135		-	31.885.071
IV. Hàng tồn kho	140	7	2.646.472.873	2.634.836.519
1. Hàng tồn kho	141		2.646.472.873	2.634.836.519
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		271.044.187	709.574.144
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		19.009.831	6.845.059
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	238.729.085
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	8	252.034.356	464.000.000
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		162.660.034.432	46.461.216.031
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		71.685.375.147	17.394.744.974
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	2.265.383.055	4.022.009.561
- Nguyên giá	222		2.861.293.041	4.703.460.521
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(595.909.986)	(681.450.960)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	10	9.488.000.000	-
- Nguyên giá	228		9.488.000.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	59.931.992.092	13.372.735.413
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		90.243.008.602	29.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	12	90.243.008.602	29.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		731.650.683	66.471.057
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	387.322.683	66.471.057
3. Tài sản dài hạn khác	268		344.328.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		221.783.872.430	63.874.080.722

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		64.423.097.690	12.327.852.150
I. Nợ ngắn hạn	310		64.206.441.090	11.813.105.150
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	28.572.000.000	4.068.511.000
2. Phải trả người bán	312		26.223.928.700	5.355.678.888
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	8.562.963.158	2.001.962.915
5. Phải trả công nhân viên	315		219.656.154	186.952.347
7. Phải trả nội bộ	317		124.800.000	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		220.029.800	200.000.000
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		283.063.278	-
II. Nợ dài hạn	330		216.656.600	514.747.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	16	216.656.600	514.747.000
B. NGUỒN VỐN (400=410+430)	400		157.360.774.740	51.546.228.572
I. Nguồn vốn chủ sở hữu	410	17	157.360.774.740	51.546.228.572
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		128.688.000.000	46.880.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		849.189.834	-
8. Quỹ Dự phòng tài chính	418		283.063.278	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		27.540.521.628	4.666.228.572
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		221.783.872.430	63.874.080.722



Nguyễn Thanh Phong

Tổng Giám đốc

Bình Thuận, ngày 20 tháng 01 năm 2011

Nguyễn Quang Minh

Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Mẫu số B 02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	61.124.227.150
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.267.477.648
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	18	59.856.749.502
4. Giá vốn hàng bán	11	19	22.395.082.294
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		37.461.667.208
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	587.809.149
7. Chi phí tài chính	22	21	112.490.710
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		112.490.710
8. Chi phí bán hàng	24		1.074.487.082
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6.081.978.041
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		30.780.520.524
11. Thu nhập khác	31		4.375.375.103
12. Chi phí khác	32		2.714.978.553
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	22	1.660.396.550
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		32.440.917.074
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	8.151.307.628
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		24.289.609.446
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-

(*) Công ty không lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 nên không có số liệu so sánh



Nguyễn Thanh Phong
Tổng Giám đốc

Bình Thuận, ngày 20 tháng 01 năm 2011

Nguyễn Quang Minh
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Mẫu số B 03-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	1		32.440.917.074
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	2		744.993.049
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(1.731.052.259)
- Chi phí lãi vay	6		112.490.710
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		31.567.348.574
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9		(25.973.551.763)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(11.636.354)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		18.004.222.411
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(333.016.398)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(112.490.710)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(3.024.144.182)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(2.011.161.514)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		18.105.570.064
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(9.399.664.268)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		4.374.875.103
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(11.850.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(58.920.431.329)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(75.795.220.494)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu (i)	31		38.646.990.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		31.189.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(7.983.601.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		61.852.388.600
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		4.162.738.170
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		5.560.071.441
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		9.722.809.611

(*) Công ty không lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 nên không có số liệu so sánh.

(i) Vốn chủ sở hữu của Công ty tăng trong năm là 81.808.000.000 đồng, trong đó góp bằng tiền là 38.646.990.000 đồng, phần tăng bằng giá trị các công trình xây dựng cơ bản, tài sản và chuyển từ các khoản vay là 43.161.010.000 đồng.



Nguyễn Thanh Phong

Tổng Giám đốc

Bình Thuận, ngày 20 tháng 01 năm 2011

Nguyễn Quang Minh

Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN HAMICO

Khu phố 11, Phường Bình Tân, Thị xã Lagi

Tỉnh Bình Thuận, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Thuận Hamico (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty TNHH Thương mại - Xây dựng Bảo Thư, là doanh nghiệp được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần thứ nhất số 4702002159 ngày 18 tháng 04 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp. Vốn Điều lệ của Công ty là 5.760.000.000 đồng. Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 4 ngày 14 tháng 11 năm 2008 tăng vốn Điều lệ lên 9.600.000.000 đồng.

Từ ngày 18 tháng 04 năm 2006 đến ngày 04 tháng 11 năm 2009 là Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Bảo Thư. Từ ngày 05 tháng 11 năm 2009 đến nay là Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Thuận Hamico.

Ngày 05 tháng 11 năm 2009, Công ty chuyển thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Thuận Hamico theo giấy Đăng ký kinh doanh số 3600802882 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp với vốn Điều lệ là 56.880.000.000 đồng.

Công ty chuyển đổi Đăng ký kinh doanh số 3600802882 ngày 22 tháng 4 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận tăng vốn Điều lệ lên 86.668.000.000 đồng. Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 2 ngày 22 tháng 05 năm 2010 tăng vốn Điều lệ lên 128.688.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty Cổ phần khoáng sản Bình Thuận Hamico đặt tại: Khu phố 11, Phường Bình Tân, Thị xã Lagi, Tỉnh Bình Thuận.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Xây dựng hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp, khu du lịch;
- San lấp mặt bằng;
- Mua bán nguyên liệu gốm, sứ, vật liệu xây dựng, máy móc, thiết bị phụ tùng xe cơ giới, phân bón, hoá chất;
- Mua bán lương thực thực phẩm, hàng nông lâm thủy sản;
- Mua bán bột đá, bột kaolin, bột cát, bột đất sét đã qua chế biến;
- Mua bán máy móc ngành nông, ngư nghiệp;
- Mua bán đất sét, kaolin, kim loại, quặng kim loại;
- Sàng, lọc, rửa cát;
- Kinh doanh dịch vụ nhà hàng, ăn uống;
- Trồng cây hàng năm, lâu năm;
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
- Khai thác đất;
- Bốc xếp hàng hoá;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (đại lý vận tải biển);
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước;
- Bán buôn nguyên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn máy móc, thiết bị (thiết bị tàu thuyền);
- Đóng tàu và sửa chữa tàu thuyền;
- Khai thác, chế biến khoáng sản;
- Nạo vét, khai thông luồng lạch;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, cảng biển);
- Vận tải hàng hoá bằng đường thủy nội địa;
- Đầu tư tài chính;
- Đầu tư, xây dựng, kinh doanh hạ tầng dân dụng và khu công nghiệp;
- Gia công cơ khí.

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức Công ty gồm:

i.) Công ty:

- Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Thuận Hamico - vốn Điều lệ 128.688.000.0000 đồng;

ii.) Các Công ty con do Công ty giữ Cổ phần chi phối:

- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thu
- Công ty TNHH Nguyên liệu gốm sứ Thiên Lợi
- Công ty Cổ phần Nạo vét và San lấp Thiên Bảo
- Công ty TNHH Vật liệu xây dựng Khoáng sản Bình Thuận Joton
- Công ty TNHH Nạo vét và San lấp Quang Hồng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỰC KẾ TOÁN MỚI

Công ty đã thực hiện các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài:

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

4.3 Các khoản đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn thể hiện giá trị các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản cho vay, ủy thác quản lý vốn với thời hạn từ trên 6 tháng đến 12 tháng.

4.4 Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hoá tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 - “Hàng tồn kho” và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

4.6 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với quy định tại Quyết định số 203/2009/QĐ-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 8
Tài sản cố định hữu hình khác	5 - 10

4.7 Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị quyền sử dụng đất của Công ty. Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất vô thời hạn nên không trích khấu hao.

4.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi đầu tư để hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi được bàn giao đưa vào sử dụng.

4.9 Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các khoản trả trước dài hạn được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Riêng đối với giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh với thời hạn không quá 2 năm.

4.10 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.11 Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

4.12 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4.13 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN HAMICO

Khu phố 11, Phường Bình Tân, Thị xã Lagi

Tỉnh Bình Thuận, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Tiền mặt	2.590.666.461	5.539.451.970
Tiền gửi Ngân hàng	7.132.143.150	20.619.471
Cộng	9.722.809.611	5.560.071.441

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Tiền gửi ngân hàng (*)	11.850.000.000	-
Cộng	11.850.000.000	-

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 năm tại Ngân hàng Sacombank.

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Hàng hoá	2.646.472.873	2.634.836.519
Cộng	2.646.472.873	2.634.836.519

8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Tạm ứng	244.034.356	464.000.000
Ký quỹ, ký cược	8.000.000	-
Cộng	252.034.356	464.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN HAMICO

Khu phố 11, Phường Bình Tân, Thị xã Lagi

Tỉnh Bình Thuận, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản có định Khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 31/12/2009	-	2.433.689.612	2.218.883.290	50.887.619	-	4.703.460.521
Tăng trong năm	1.529.507.847	31.990.000	3.800.713.203	266.338.353	45.121.050	5.673.670.453
Mua trong năm	1.529.507.847	31.990.000	3.800.713.203	266.338.353	45.121.050	5.673.670.453
Giảm trong năm	665.133.302	2.292.828.571	4.557.876.060	-	-	7.515.837.933
Thanh lý, nhượng bán	665.133.302	2.292.828.571	4.557.876.060	-	-	7.515.837.933
Số dư tại 31/12/2010	864.374.545	172.851.041	1.461.720.433	317.225.972	45.121.050	2.861.293.041

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Số dư tại 31/12/2009	-	324.473.786	306.089.555	50.887.619	-	681.450.960
Tăng trong năm	162.950.784	267.061.590	278.374.845	27.597.760	9.008.070	744.993.049
Khấu hao trong năm	162.950.784	267.061.590	278.374.845	27.597.760	9.008.070	744.993.049
Giảm trong năm	114.713.088	425.474.272	290.346.663	-	-	830.534.023
Thanh lý, nhượng bán	114.713.088	425.474.272	290.346.663	-	-	830.534.023
Số dư tại 31/12/2010	48.237.696	166.061.104	294.117.737	78.485.379	9.008.070	595.909.986

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại 31/12/2009	-	2.109.215.826	1.912.793.735	-	-	4.022.009.561
Tại 31/12/2010	816.136.849	6.789.937	1.167.602.696	238.740.593	36.112.980	2.265.383.055

Tổng giá trị còn lại của tài sản cố định được dùng để mang đi thế chấp, cầm cố là: 477.532.458 đồng.

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư tại 31/12/2009	-
Tăng trong năm	9.488.000.000
Giảm trong năm	-
Số dư tại 31/12/2010	9.488.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư tại 31/12/2009	-
Tăng trong năm	-
Khấu hao trong năm	-
Giảm trong năm	-
Số dư tại 31/12/2010	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại 31/12/2009	-
Tại 31/12/2010	9.488.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN HAMICO

Khu phố 11, Phường Bình Tân, Thị xã Lagi

Tỉnh Bình Thuận, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Dự án Khu chuyển tải	33.393.948.574	11.650.839.751
Xây dựng cơ bản văn phòng HAMICO	1.096.224.484	762.670.134
Xây dựng cơ bản khu Phước Bình	3.844.395.367	227.000.000
Mỏ Cát Trắng	5.404.523.400	215.200.000
Xây dựng cơ bản dở dang khác	16.192.900.267	517.025.528
Cộng	59.931.992.092	13.372.735.413

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	Vốn chủ sở hữu	Vốn góp của Công ty mẹ tại ngày 31/12/2010	
	VND	Số tiền	Tỷ lệ
		VND	%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo thư	75.404.664.602	72.396.008.602	96
Công ty TNHH Nguyên liệu gốm sứ Thiên Lợi	3.200.000.000	2.270.000.000	71
Công ty Cổ phần Nạo Vét và San lấp Thiên Bảo	1.170.000.000	900.000.000	77
Công ty TNHH Vật liệu xây dựng Khoáng sản Bình Thuận Joton	9.158.000.000	7.402.000.000	81
Công ty TNHH Nạo vét và san lấp Quang Hồng	11.200.000.000	7.275.000.000	65
Cộng		90.243.008.602	

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ văn phòng	387.322.683	66.471.057
Cộng	387.322.683	66.471.057

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN HAMICO

Khu phố 11, Phường Bình Tân, Thị xã Lagi

Tỉnh Bình Thuận, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Đồng Đồng Nai	-	4.068.511.000
Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2009/HĐTD ngày 17/07/2009. Hạn mức tín dụng 5.000.000.000 đồng, thời hạn cho vay 06 tháng, lãi suất cho vay theo từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể, biến động từ 9,5%/năm - 11%/năm. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh mua bán đất sét, cát, san lấp mặt bằng, vật liệu xây dựng. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 103,5m ² và ô tô Toyota Fortuner 2.7	-	4.068.511.000
Vay cá nhân	28.572.000.000	-
Các hợp đồng vay cá nhân dùng để sản xuất kinh doanh, lãi suất vay theo từng hợp đồng không quá 1.5%/tháng, thời hạn cho vay là 1 năm.		
- Ông Nguyễn Quang Minh	5.000.000.000	-
- Ông Nguyễn Quang Thanh	1.000.000.000	-
- Ông Nguyễn Thanh Phong	500.000.000	-
- Bà Nguyễn Thị Kiều Hạnh	824.000.000	-
- Bà Nguyễn Thị Mai	13.000.000.000	-
- Ông Nguyễn Văn Dũng	8.000.000.000	-
<i>Các đối tượng khác</i>	248.000.000	-
Cộng	28.572.000.000	4.068.511.000

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Thuế giá trị gia tăng	171.146.226	20.405.651
Thuế xuất, nhập khẩu	-	744.951.504
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.391.816.932	1.236.605.760
Cộng	8.562.963.158	2.001.962.915

16. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Biên Hoà	216.656.600	354.440.200
Hợp đồng tín dụng từng lần số 08011XE - 18 ngày 25/9/2008. Số tiền vay 300.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất được điều chỉnh vào ngày làm việc đầu tiên hàng quý. Mục đích sử dụng tiền vay mua xe ô tô Ford. Tài sản đảm bảo hình thành từ khoản vay.	216.656.600	354.440.200
Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín - PGD Biên Hoà	-	160.306.800
Hợp đồng tín dụng số 568 ngày 18/5/2007. Số tiền vay 310.000.000 đồng, lãi suất năm đầu 1,1%/tháng, các năm tiếp theo lãi suất điều chỉnh 6 tháng 1 lần, thời hạn vay 48 tháng. Mục đích sử dụng tiền vay mua xe ô tô, tài sản đảm bảo là 01 chiếc ô tô Chevrolet.	-	160.306.800
Cộng	216.656.600	514.747.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN HAMICO

Khu phố 11, Phường Bình Tân, Thị xã Lagi

Tỉnh Bình Thuận, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại 31/12/2009	46.880.000.000	-	-	4.666.228.572	51.546.228.572
Tăng trong năm	81.808.000.000	849.189.834	283.063.278	24.289.609.446	107.229.862.558
Tăng vốn	81.808.000.000	-	-	-	81.808.000.000
Lãi	-	849.189.834	283.063.278	24.289.609.446	25.421.862.558
Giảm trong năm	-	-	-	1.415.316.390	1.415.316.390
Giảm khác	-	-	-	1.415.316.390	1.415.316.390
Số dư tại 31/12/2010	128.688.000.000	849.189.834	283.063.278	27.540.521.628	157.360.774.740

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2010 VND
Doanh thu bán hàng	61.124.227.150
Các khoản giảm trừ - Thuế xuất khẩu	1.267.477.648
Doanh thu thuần	59.856.749.502

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2010 VND
Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp	22.395.082.294
Cộng	22.395.082.294

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2010 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	587.809.149
Cộng	587.809.149

21. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2010 VND
Lãi tiền vay	112.490.710
Cộng	112.490.710

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN HAMICO

Khu phố 11, Phường Bình Tân, Thị xã Lagi

Tỉnh Bình Thuận, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***22. LỢI NHUẬN KHÁC**

	Năm 2010 VND
Thu nhập khác	
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	4.374.875.103
Thu nhập khác	500.000
Cộng	4.375.375.103
Chi phí khác	
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	2.643.822.844
Các khoản chi khác	71.155.709
Cộng	2.714.978.553
 Lợi nhuận từ hoạt động khác	 1.660.396.550

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP HIỆN HÀNH

	Năm 2010 VND
Lợi nhuận/(Lỗ) trước thuế	32.440.917.074
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	164.313.438
Thu nhập chịu thuế	32.605.230.512
Thuế suất	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.151.307.628

23. CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG

Công ty không có khoản cam kết thuế hoạt động nào tính đến ngày 31/12/2010.

24. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Không có khoản công nợ tiềm tàng nào cần điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

25. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có bất kỳ sự kiện quan trọng nào cần điều chỉnh hoặc Thuyết minh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

26. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính năm 2009 đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán và Tư vấn tài chính. Một số chỉ tiêu không phù hợp về mặt thời gian nên không được trình bày.



Nguyễn Thanh Phong
Tổng Giám đốc

Bình Thuận, ngày 20 tháng 01 năm 2011

Nguyễn Quang Minh
Kế toán trưởng

